

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CƠ BẢN QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN.

(Theo Luật doanh nghiệp số 59/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ và thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Tiêu đề chương: CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ	CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ	CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Sửa đổi cho phù hợp với nội dung bao quát của Chương II.
2	Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	Chưa có nội dung nội dung bên phải	Bổ sung: - Phạm vi quy chế bao gồm vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ.	Bổ sung làm rõ phạm vi Quy chế, phù hợp với quy định tại Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.
3	Khoản 2 Điều 2: Giải thích thuật ngữ	Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại	“Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 32 Thông tư 116/2020/TT-BTC;	Cập nhật văn bản pháp lý do Nghị định 71/2017/NĐ-CP hết hiệu lực.

		Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;		
4	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Chưa có	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Căn cứ theo Điều 15 Điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
5	Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Chưa có	Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông Căn cứ theo Điều 14 Điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
6	Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ. Khoản 2	Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ. Chưa có nội dung tại khoản 2	Sửa thành Điều 6 và bổ sung: 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (mười) 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;	Bổ sung cho phù hợp với Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.

			<p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>f) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
7	<p>Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.</p> <p>Khoản 5</p>	<p>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.</p> <p>Chưa có nội dung tại khoản 5</p>	<p>Sửa thành Điều 6 và bổ sung:</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Bổ sung thêm cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
8	<p>Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.</p> <p>Khoản 6</p>	<p>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.</p> <p>Chưa có nội dung tại khoản 6</p>	<p>Sửa thành Điều 6 và bổ sung:</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định</p>	Bổ sung thêm cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC

			<p>tại khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.</p>	
9	<p>Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.</p> <p>Khoản 7</p>	<p>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.</p> <p>Chưa có nội dung tại khoản 7</p>	<p>Sửa thành Điều 6 và bổ sung:</p> <p>7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào</p>	<p>Bổ sung thêm cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
10	Điều 8. Điều kiện tiến hành	Chưa có	Điều 8. Điều kiện tiến hành Căn cứ theo Điều 19 Điều lệ Công ty.	Bổ sung thêm cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
11	Khoản 3 Điều 13. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	Điều 10. 3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Điều 13. 3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.	Bỏ “ <i>hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</i> ” vì Biên bản họp sẽ được công bố thông tin theo quy định, thay thế cho việc gửi bản cứng.
12	Khoản 1 Điều 15. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 12. 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	Điều 15. 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào đối với tất cả vấn đề quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty.	Tham chiếu quy định nhằm làm rõ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
13	Tiêu đề chương: CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỆM NHIỆM, BÃI NHIỆM	CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỆM NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa đổi cho phù hợp với nội dung bao quát của Chương III.
14	Điều 16. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có	Điều 16. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC

			Căn cứ theo khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.	
15	Điều 17. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Chưa có	<p>Điều 17. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ; 2. Thành viên HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty; 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; 4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty. 5. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành 	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC

			<p>viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của thành viên HĐQT nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp này, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.</p> <p>6. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT</p>	
16	Điều 18. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Chưa có	<p>Điều 18. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC

17	Điều 19. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 19. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 1. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành ít nhất là 02 (hai) thành viên. - Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu là một (1) thành viên.	Sửa đổi tên điều và bổ sung khoản 1 cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
18	Điều 23. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Điều 23. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo quy định về thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.	Bổ sung làm rõ.
19	Điều 25. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	Chưa có	Điều 25. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC

20	Điều 26. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Chưa có	Điều 26. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Căn cứ theo Điều 28 Điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
21	Điều 31: Ghi biên bản họp HĐQT	Điều 23. Chưa có nội dung tại khoản 3	Điều 31. 3. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC
22	Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	Điều 27. Các tiêu chuẩn của thành viên Ủy Ban kiểm toán Các thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành sẽ được HĐQT cân nhắc bổ nhiệm là thành viên Ủy ban kiểm toán. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.	Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Các thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành sẽ được HĐQT cân nhắc bổ nhiệm là thành viên Ủy ban kiểm toán. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 161 Luật doanh nghiệp 2020.
23	Điều 38. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán	Điều 30. Chưa có nội dung khoản 2	Điều 38.	Bổ sung quy định tại Điều 283 Nghị định 155/2020.

			2. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.	
24	Điều 62. Ngày hiệu lực	Quy chế này gồm 12 chương 54 điều được ĐHĐCĐ phê duyệt và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.	Quy chế này gồm 12 chương 62 điều được ĐHĐCĐ phê duyệt và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm.....	Sửa đổi cho phù hợp với số điều trong Quy chế.